

Bản án số: **08/2020/HSST**

Ngày: 18/3/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Lan Ngọc
2. Bà Đinh Thị Thanh Hải

Thư K phiên toà: Bà Trần Thị Nga - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Phạm Anh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2020/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST - HS ngày 04/3/2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn S, sinh ngày 27 tháng 9 năm 1989, tại tỉnh Y

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ1+2, xã L, huyện T, tỉnh Y; Nghề Nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam
Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962; Con bà Lê Thị V, sinh năm 1968. Hiện trú tại thôn Đ1+2, xã L, huyện T, tỉnh Y; Vợ: Phùng Thị T, sinh năm 1988, đã ly hôn; Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017, hiện vợ (cũ) và con đang trú tại xã A, huyện V, tỉnh Y; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09/9/2019, tạm giam từ ngày 12/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Y - Có mặt tại phiên toà.

2. Bùi Văn N, sinh ngày 16 tháng 7 năm 1976, tại tỉnh Y

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Y; Nghề Nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Bùi Văn X, sinh năm 1955 và con bà Lương Thị N, sinh năm 1956; Vợ là Hà Thị X, sinh năm 1981; Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007. Hiện bố, mẹ, vợ, con của bị cáo đều trú tại thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 10/9/2019, tạm giam từ ngày 13/9/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Y - Có mặt tại phiên toà.

3. Đặng Xuân K, sinh ngày 17 tháng 4 năm 1967, tại tỉnh L

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh N; Nghề Nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 9/10; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Đặng Văn N (đã chết) và con bà Lý Thị M (đã chết); Vợ: Lý Thị H, sinh năm 1967. Hiện đang làm việc tại T phố H. Có 03 con, con nhỏ sinh năm 2000, con lớn sinh năm 1989. Trú tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh L. Tiền án, tiền sự: Không;

*Về nhân thân: Tại Bản án số 33/2015/HSST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh L tuyên phạt Đặng Xuân K 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. (Đã được xóa án tích).

Bị tạm giam từ ngày 27/9/2019. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Y; Có mặt tại phiên tòa.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hà Thị X, sinh năm 1981. Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Y; Vắng mặt.

2. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1982. Trú tại: Thôn Tân S, xã T, huyện V, tỉnh L; Vắng mặt.

* Những người làm chứng:

1. Anh Trịnh Trung T, sinh năm 1980. Trú tại: Thôn Đ1+2, xã L, huyện T, tỉnh Y; Vắng mặt.

2. Anh Phạm Khánh V, sinh năm 1970. Trú tại: Tổ 5C, thị trấn Phố R, huyện B, tỉnh L. Vắng mặt.

* Người chứng kiến: Anh Nguyễn Long G. Trú tại: Thôn Đ, xã A, thành phố Y, tỉnh Y; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 18 giờ 15 phút ngày 09/9/2019, tổ công tác của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Y đang làm nhiệm vụ tại khu vực thôn Đ, xã A, thành phố Y, tỉnh Y, đã phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Văn S về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Quá trình bắt quả tang thu giữ: 01 (một) gói nilon màu đen bên trong có chứa chất bột nén màu trắng nghi là Heroine; 01 (một) gói giấy mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng bên trong có chứa chất bột nén màu trắng nghi là Heroine; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen.

Tiến hành khám xét nơi ở Nguyễn Văn S, tại thôn Đ1+2, xã L, huyện T, tỉnh Y không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn S khai nhận nhiều lần mua ma túy của Bùi Văn N. Tiến hành khám xét nơi ở của Bùi Văn N đã thu giữ: 13 (mười ba) gói nilon màu đen, bên trong các gói đều chứa bột nén màu trắng nghi là Heroine; 18.500.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen.

Quá trình điều tra xác định số ma túy Bùi Văn N có để bán cho Nguyễn Văn S và tàng trữ tại nhà là mua của Đặng Xuân K. Tiến hành khám xét nhà Đặng Xuân K, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh viền đen; 01 chứng minh nhân dân mang tên Đặng Xuân K.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn S khai nhận số ma túy tàng trữ trên người để sử dụng và bán khi bị bắt quả tang là mua của Đoàn Thị H, sinh ngày 10/10/1957, trú tại thôn Tân S, xã T, huyện V, tỉnh L. Tiến hành khám xét đối với Đoàn Thị H tại: thôn T – xã T - huyện V - tỉnh L không thu giữ được vật chứng gì liên quan đến ma túy.

- Tại bản Kết luận giám định số 198/GĐMT ngày 16/9/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Yên Bái xác định: “Chất bột nén màu trắng thu giữ khi bắt quả tang của Nguyễn Văn S có tổng khối lượng là 2,62gam, gửi giám định là ma túy, loại “Heroin.”

- Tại bản Kết luận giám định số 199/GĐMT ngày 16/9/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Y xác định: “Chất bột nén màu trắng thu giữ khi khám xét nơi ở của Bùi Văn N có tổng khối lượng là: 0,83gam, gửi giám định là ma túy; loại Heroine” .

Quá trình điều tra xác định:

Nguyễn Văn S đã mua ma túy (Heroine) của Bùi Văn N để sử dụng và bán cho Trịnh Trung T để kiếm lời, cụ thể:

- Lần 1: Vào khoảng 08 giờ ngày 02/9/2019, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Trịnh Trung T đã gọi điện thoại cho Nguyễn Văn S hỏi mua 01 (một) gói ma túy (Heroine) với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), S đồng ý, khoảng 10 giờ cùng ngày, S gọi điện thoại cho T và hẹn ra khu vực bờ suối gần nhà S để giao dịch, trao đổi, mua bán ma túy. Tại đây, T đưa cho S một tờ tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), S cầm tiền và đưa cho T 01 (một) gói ma túy (Heroine) được góiBg nilon màu hồng. T cầm gói ma túy về và sử dụng hết cho bản thân.

- Lần 2: Vào khoảng 18 giờ ngày 03/9/2019 tại khu vực bờ suối gần nhà S, T đưa cho S một tờ tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), S cầm tiền và đưa cho T 01 (một) gói ma túy (Heroine) được góiBg nilon màu hồng. T cầm gói ma túy về và sử dụng hết cho bản thân.

- Lần 3: Vào khoảng 18 giờ ngày 04/9/2019 tại khu vực nêu trên, T đưa cho S 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng), S cầm tiền và đưa cho T 01 (một) gói ma túy (Heroine) được góiBg nilon màu hồng. sau đó T sử dụng hết cho bản thân.

Đến khoảng 18 giờ 15 phút ngày 09/9/2019, Nguyễn Văn S đang mang ma túy đi để sử dụng và bán, khi vừa xuống xe khách và ngồi tại ven đường km 121- đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai, thuộc thôn Đ – xã A - thành phố Y thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang.

Bùi Văn N đã mua ma túy (Heroine) của Đặng Xuân K về để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời. N đã bán ma túy cho Nguyễn Văn S, cụ thể:

- Lần 1: Vào khoảng 16 giờ ngày 05/9/2019 tại khu vực gầm cầu chui đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai, thuộc thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Y. Tại đây, N đã bán cho S 01 gói ma túy (Heroine) lấy số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Lần 2: Vào khoảng 19 giờ ngày 06/9/2019, cũng tại địa điểm trên, S đưa cho N số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và bảo nợ lại 100.000đ (một trăm nghìn đồng), N đồng ý cầm tiền rồi đưa cho S 02 (hai) gói ma túy (Heroine).

Đặng Xuân K là người nghiện ma túy, nên đã mua ma túy về để sử dụng và bán. K đã bán ma túy cho Bùi Văn N và Phạm Khánh V, cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào khoảng 10 giờ ngày 27/8/2019, Bùi Văn N hỏi mua 400.000đồng ma túy (Heroine), K đồng ý nhận của N số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) và đi mua 01 (một) gói ma túy (Heroine) với giá 340.000đồng. Sau khi mua được ma túy, K đưa cho N. N nhận gói ma túy rồi mang về chia nhỏ ra để sử dụng cho bản thân và bán.

- Lần 2: Vào khoảng 13 giờ ngày 04/9/2019, Bùi Văn N hỏi mua của Đặng Xuân K 1.900.000đồng tiền ma túy (Heroine), K đồng ý nhận tiền và đi mua 01 (một) gói ma túy (Heroine) được gói Bg nilon màu đen với giá 1.800.000đồng. Sau đó K bớt lại khoảng 1/3, còn 2/3 gói ma túy, K gói lại vào một túi nilon màu đen và đến khoảng 16 giờ cùng ngày, K cầm gói ma túy này mang ra chỗ hẹn và đưa cho N. N cầm rồi mang về chia nhỏ ra để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời.

- Lần 3: Vào khoảng 10 giờ ngày 15/9/2019, Phạm Khánh V đã gọi điện thoại cho Đặng Xuân K hỏi mua 01 (một) gói ma túy (Heroine) với giá 200.000đồng. K đồng ý và hẹn V đến khu vực ven đường gần nhà K để giao dịch, trao đổi, mua bán ma túy. Tại đây, V đưa cho K 200.000 đồng, K nhận tiền và đưa cho V 01 gói ma túy. V cầm gói ma túy rồi mang đi sử dụng hết cho bản thân.

- Lần 4: Vào khoảng 10 giờ ngày 22/9/2019, tại khu vực ven đường gần nhà K, V đưa cho K một tờ tiền mệnh giá 100.000đồng, K nhận tiền và đưa cho V 01 gói ma túy (Heroine).

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn S, Bùi Văn N, Đặng Xuân K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn S, Bùi Văn N, Đặng Xuân K thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát.

Bản cáo trạng số 08/CT - VKSTP ngày 16/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S, Bùi Văn N, Đặng Xuân K về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y luận tội đối với các bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Bùi Văn N; Đặng Xuân K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt:

+ Nguyễn Văn S từ 08 đến 09 năm tù

+ Bùi Văn N từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù

+ Đặng Xuân K từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng các Điều 46; 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi Mua bán, tàng trữ ma túy do bản thân thực hiện là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn S, Bùi Văn N, Đặng Xuân K T khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo có sự phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, số lần, số lượng, số tiền mua bán ma túy, vật chứng thu giữ của vụ án, và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, người liên quan; bản kết luận giám định, Bản kết luận điều tra, Cáo trạng nên có đủ cơ sở kết luận:

Do bản thân nghiện ma túy, Nguyễn Văn S, Bùi Văn N, Đặng Xuân K đã mua ma túy về để sử dụng và bán cho các đối tượng nghiện khác kiếm lời, cụ thể đối với từng người như sau:

Nguyễn Văn S mua ma túy của Bùi Văn N để sử dụng và bán cho Trịnh Trung T 03 lần, vào các ngày 02;03; 04/9/2019, mỗi ngày một lần, một gói ma túy (heroin) với giá 200.000đồng/1 gói. Số tiền bị cáo thu được từ việc bán ma túy cho

T là 600.000đồng. Đến ngày 09/9/2019, Nguyễn Văn S đang mang ma túy đi để sử dụng và bán, nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng là 02 gói ma túy, có khối lượng là 2,62 gam heroin.

Bùi Văn N mua ma túy của Đặng Xuân K nhiều lần, về sử dụng và bán cho Nguyễn Văn S hai lần, vào các ngày 05/06/2019. Ngày 05/9/2020, N bán cho S 01 gói ma túy (loại heroin) với giá 200.000đồng; Ngày 06/9/2019, N bán cho S 02 gói ma túy (loại heroin) với giá 200.000đồng/01 gói. S đã thanh toán cho N 300.000đồng, còn nợ lại 100.000đồng. Ngoài ra, bị cáo còn tàng trữ 13 gói ma túy, khối lượng là 0,83 gam (heroin) nhằm mục đích để bán và sử dụng.

Đặng Xuân K mua ma túy về để sử dụng và bán cho Bùi Văn N, Phạm Khánh V vào các ngày 27/8/2019; 04; 15; 22/9/2019 để kiếm lời. Cụ thể, ngày 27/8/2019, K bán cho N 01 gói ma túy (heroin) với giá 400.000đồng. Ngày 04/9/2019, K bán cho N 01 gói ma túy (heroin) với giá 1.900.000đồng. Số tiền hai lần K bán ma túy cho N thu được là 2.300.000đồng. Ngoài ra, bị cáo còn hai lần bán ma túy cho Phạm Khánh V. Ngày 15/9/2019, bán cho Phạm Khánh V 01 gói ma túy (heroin) với giá 200.000đồng; tiếp ngày 22/9/2019, K bán cho V 01 gói ma túy với giá 100.000đồng. Tổng số tiền bị cáo thu được từ việc bán ma túy cho N và V là 2.600.000đồng.

Hành vi mua bán, tàng trữ ma túy do Nguyễn Văn S, Bùi Văn N, Đặng Xuân K thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do các bị cáo mua bán nhiều lần, nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, đã truy tố các bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, HĐXX thấy:

Các bị cáo Nguyễn Văn S, Bùi Văn N, Đặng Xuân K là người có sức khỏe, đủ khả năng nhận thức để điều chỉnh mọi hành vi hoạt động của bản thân, nhưng lười lao động, không có nghề nghiệp, nghiện ma túy.

Hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước về chất ma túy, G mất trật tự, trị an tại địa phương. Đây là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác trong xã hội. Các bị cáo đều nhận thức được việc mua bán, tàng trữ ma túy là vi phạm điều cấm của luật, nhưng do hám lợi vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần phải có một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do từng người thực hiện, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với từng người và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện là độc lập, nên không thuộc trường hợp đồng phạm. Riêng Đặng Xuân K, năm 2015 bị Tòa án huyện V, tỉnh L xử phạt 02 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, tuy đã được xóa án tích, nhưng qua đó thể hiện việc tu dưỡng, rèn luyện bản thân của bị cáo là rất kém. Nguyễn Văn S ngoài việc ba lần bán ma túy cho

Trịnh Trung T, còn tàng trữ 2,62 gam ma túy (heroin) để sử dụng và bán, nên cần áp dụng mức hình phạt đối với S, K nghiêm khắc hơn so với Bùi Văn N.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo S, N, K thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; Nguyễn Văn S tự thú về các lần bán ma túy cho Trịnh Trung T; Đặng Xuân K tự thú về các lần bán ma túy cho Phạm Khánh V, nên cho các bị cáo S, K được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo N chỉ được hưởng 1 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là tự thú, vì hành vi phạm tội của bị cáo bị phát giác là do Nguyễn Văn S khai báo.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Theo biên bản xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Y, các bị cáo đều là người nghiện ma túy, không có việc làm, tài sản, thu nhập, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[5] *Đối với nguồn gốc số ma túy* Nguyễn Văn S tàng trữ khi bị bắt quả tang, bị cáo khai nhận mua của Đoàn Thị H và một người đàn ông, không biết họ, tên, tuổi, địa chỉ tại khu vực km 198 đường cao tốc Nội Bài, Lào Cai (thuộc thôn N, xã T, huyện V, tỉnh L) vào ngày 09/9/2019; Quá trình điều tra, không đủ tài liệu chứng minh Đoàn Thị H đã bán ma túy cho Nguyễn Văn S. Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Nguyễn Văn S, do S không cung cấp được họ, tên, tuổi, địa chỉ, nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xác minh, làm rõ, để xử lý trong vụ án này.

[6] *Về nguồn gốc số ma túy có để bán*, Đặng Xuân K khai nhận mua của Hà Thị G và Hà Thị B (cùng trú tại xã T, huyện V, tỉnh L). Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Y đã tiến hành xác minh nhiều lần nhưng G, B không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì, nên không xử lý được trong vụ án này.

[7] *Về các đối tượng có liên quan*: Quá trình điều tra, Nguyễn Văn S khai nhận, ngoài các lần bán ma túy nêu trên, S còn nhiều lần mua hộ ma túy cho Triệu Đức T (trú tại thôn Đ, xã K, huyện T, tỉnh Y); Bùi Văn N còn bán ma túy cho Phạm Quốc V (trú tại thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Y); Đặng Xuân K bán ma túy cho Đặng Văn M (trú tại bản B, xã B, huyện B, tỉnh L). Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, triệu tập nhiều lần đối với T, V, M, nhưng các đối tượng đều không có mặt tại nơi cư trú, nên không đủ cơ sở xác minh, làm rõ, để xử lý trong vụ án này.

Đối với Trịnh Trung T, Phạm Khánh V là người đã mua ma túy của Nguyễn Văn S và Đặng Xuân K để sử dụng, xét hành vi chưa đến mức bị xử lý về hình sự, Cơ quan cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Y đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối T, V là đúng pháp luật.

[8] *Về vật chứng của vụ án*:

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Hà Thị X, anh Bùi Văn T vắng mặt tại phiên tòa; nhưng theo hồ sơ thể hiện, chị X đã nhận lại

số tiền là 18.500.000đồng. Anh Bùi Văn T (con trai của Đoàn Thị H) đã nhận lại các tài sản, đồ vật gồm: Số tiền 5.090.000đồng; 01 điện thoại di động Nokia; 01 chứng minh thư nhân dân; 01 ví vải có hoa; 01 túi xách màu tím. Việc Cơ quan điều tra trả lại cho chị X, anh T các tài sản, đồ vật nêu trên là phù hợp quy định pháp luật.

- Đối với 02 gói ma túy Cơ quan điều tra thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Văn S có khối lượng 2,62 gam là heroin, đã sử dụng 0,16 gam vào việc giám định. Khối lượng còn lại là 2,46 gam(heroin), là vật chứng cầm tàng trữ, lưu hành nên bị tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 13 gói ma túy Cơ quan điều tra thu giữ tại nơi ở của Bùi Văn N có khối lượng 0,83 gam là heroin, đã sử dụng 0,13 gam vào việc giám định. Khối lượng còn lại là 0,7gam (heroin), là vật chứng cầm tàng trữ, lưu hành nên bị tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với số tiền các bị cáo thu được từ việc mua, bán ma túy, cụ thể Nguyễn Văn S thu được là 600.000đồng, Bùi Văn N là 500.000đồng; Đặng Xuân K số tiền là 2.600.000đồng. Đây là tiền do phạm tội mà có, nên bị truy thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 03 chiếc điện thoại di động; trong đó có 01 chiếc nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, loại bàn phím nổi, có số seri 3451.98105.829448 thu giữ của Nguyễn Văn S; 01 điện thoại Nokia, màu xanh, viền đen, loại bàn phím, có số thuê bao 0394.266.893 thu giữ của Đặng Xuân K, không liên quan gì đến hành vi phạm tội, nên được trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, loại bàn phím, có số IMEI 3515.460067.00684 thu giữ của Bùi Văn N, đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc liên lạc, mua bán ma túy nên bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 Chứng minh thư nhân dân số 063.263.568 mang tên Đặng Xuân K là giấy tờ tùy thân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên được trả lại cho bị cáo.

- Các vật chứng khác của vụ án: 10 vỏ phong bì đã mở niêm phong, các mảnh nilon, giấy gói không có giá trị sử dụng nên bị tịch thu tiêu hủy.

[9] Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Bùi Văn N, Đặng Xuân K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51BLHS (đối với các bị cáo S, K).

+ Xử phạt Nguyễn Văn S **09** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2019 (ngày tạm giữ bị cáo).

+ Xử phạt Đặng Xuân K **09** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2019 (ngày tạm giam bị cáo).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51BLHS.

+ Xử phạt Bùi Văn N **08** năm **06** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2019 (ngày tạm giữ bị cáo).

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46; 47 Bộ luật hình sự; khoản 2,3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 2,46 gam(heroin) được đựng trong một phong bì niêm phong, mặt trước có ghi “ Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Văn S. SN 1989, tại thôn Đ, xã A, thành phố Y”;

- 0,7gam (heroin) được đựng trong 1 phong bì niêm phong, mặt trước có ghi “Vật chứng thu giữ khi khám xét Bùi Văn N. SN 1976, tại thôn T, xã Quy Mông, huyện T, tỉnh Y”.

- *Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:* 01 Điện thoại di động, hiệu Nokia, có số IMEI 3515.460067.00684 thu giữ của Bùi Văn N;

- *Trả lại cho các bị cáo:*

+ Nguyễn Văn S: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, loại bàn phím nổi, có số seri 3451.98105.829448.

+ Đặng Xuân K: 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu xanh, viền đen, loại bàn phím, có số thuê bao 0394.266.893 và 01 Chứng minh thư nhân dân số 063.263.568, mang tên Đặng Xuân K.

- *Truy thu số tiền dưới đây của các bị cáo, để nộp Ngân sách nhà nước:*

+ Nguyễn Văn S 600.000đồng;

+ Bùi Văn N 500.000đồng;

+ Đặng Xuân K 2.600.000đồng

- *Tịch thu tiêu hủy:* 10 vỏ phong bì đã mở niêm phong, các mảnh nilon, giấy gói.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn S, Bùi Văn N, Đặng Xuân K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo S,N, K được quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Y;
- VKS tỉnh Y;
- VKSND TP YB;
- CATPYB;
- Trại tạm giam (3 bị cáo);
- Người liên quan (2);
- NLC và NCK (3);
- Sở tư pháp tỉnh Y;
- THADS T phố;
- Hồ sơ NV CATP YB;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thủy

